TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29-4-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Minh Quế
2. Bà Ngô Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 -02-2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14-04-2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1999 (có đơn xin xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái

Bị đơn: Anh Bùi Đình C, sinh năm 1995 (có đơn xin xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái

Hiện đang chấp hành án tại đội 40 phân trại số 02, ngã ba T, trại giam Q, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-02-2025, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Đình C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Phú Thọ vào ngày 05/01/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung. Năm 2024 anh Bùi Đình C vi phạm pháp luật hiện đang phải chấp hành án tại trạm giam Q1, tỉnh Tuyên Quang. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện Văn Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Bùi Tường V sinh ngày 18/11/2021 hiện nay cháu V đang sinh sống cùng chị. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 4/4/2025 anh Bùi Đình C trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xã

C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Đến tháng 7 năm 2024 anh vi phạm pháp luật, hiện nay đang phải chấp hành án tại trạm giam Q1, tỉnh Tuyên Quang. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Bùi Tường V sinh ngày 18/11/2021 hiện nay cháu V đang sinh sống cùng chị H . Do hiện nay anh đang phải chấp hành án không có điều kiện để nuôi con, nếu phải ly hôn anh nhất trí giao cháu V cho chị H nuôi dưỡng.

Về tài sản chung nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã ra thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Bùi Đình C nhưng do hiện nay anh C đang phải chấp hành án tại trại giam Q, tỉnh Tuyên Quang, không thể có mặt theo giấy báo của Tòa án được. Anh C đề nghị giải quyết vắng mặt anh tại tất cả các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa.

Do anh C không thể có mặt theo thông báo của Tòa án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Bùi Đình C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Bùi Đình C đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Bùi Đình C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Phú Thọ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tại bản tự khai chị H và anh C đều xác định: Trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Từ tháng 7 năm 2024 thì anh C phải đi chấp hành án tại trại giam Q, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Từ những lời khai của chị H, anh C cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh C thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho chị H được ly hôn anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Đình C có 01 con chung là Bùi Tường V sinh ngày 18/11/2021 hiện nay cháu V đang sinh sống cùng chị H và ông bà ngoại. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Bản thân anh C cũng xác định hiện đang đi chấp hành án nên không có điều kiện để nuôi con, anh C nhất trí giao con cho chị H nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử thấy rằng để đảm bảo sự ổn định về cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần giao con là Bùi Tường V cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Đình C đều xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Đình C đã thống nhất được về việc ly hôn nên mỗi bên phải chịu 25% mức án phí không có giá ngạch là 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội và khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Đình C

2. Về con chung: Giao con là Bùi Tường V sinh ngày 18/11/2021 sinh ngày 05/01/2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Bùi Đình C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Bùi Đình C phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; Chị Nguyễn Thị H phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2024/0000195 ngày 28-02-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; chị Nguyễn Thị H được trả lại 225.000 (hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Đình C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND xã Lương Sơn, Yên Lập, Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Mai Thị Thu Hương